

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 02 -2023

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hiệu và ông Lê Hữu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy- Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2022/HNGĐ - ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là Lê Ngọc T trình bày giữa anh và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại UBND xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống với nhau được khoảng 02 (hai) năm thì vợ chồng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và hay cãi nhau. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì chị L lại đưa con về nhà mẹ đẻ của chị để ở, không quan tâm đến anh T. Tính đến nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân được 4 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về phần con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) người con chung với nhau, tên các cháu là Lê Thị Phương A, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 03/6/2013. Hiện nay cả hai bé đang ở cùng với chị L. Ly hôn nguyện vọng của anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T làm lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (bảy triệu đồng), nên anh xét thấy thấy đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt nhất.

Về tài sản và phần nợ: Anh Lê Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L không có mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 16/12/2022 chị L trình bày chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại UBND xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh T hay uống rượu và chửi bới đánh đập chị L, nên chị L đã đưa hai con chung về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống. Vợ chồng anh, chị ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L cũng đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 02 (hai) con chung, tên các cháu là Lê Thị Phương A, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 03/6/2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị tại thôn 4, xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn nguyện vọng của chị L xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Chị L trình bày hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty giấy X tại xã Thọ Dân, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 5.000.000đ, nên chị L xét thấy đủ điều kiện để nuôi 02 (hai) con chung.

Về tài sản và phần nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị L. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương A, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T và chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị L cư trú trên địa bàn huyện TS, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại UBND xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 01/2010. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh, chị không hòa hợp, chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị L đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị L.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Lê Thị Phương A , sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 03/6/2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị L tại thôn 4, xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn nguyện vọng của chị L xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc M, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Phương A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Anh T, chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 10/01/2023 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của anh T và chị L. Tại buổi xác minh UBND xã TT cho biết anh T và chị L hiện nay đang sống ly thân mỗi người ở một nơi, chị L về nhà bố mẹ đẻ để ở. Vợ chồng anh, chị có 02 con chung, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị L tại thôn 4, xã TT, huyện TS, các cháu khỏe mạnh được học tập và phát triển bình thường, không bị bạo hành gia đình. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị L đều chính đáng, chị L và anh T đều khỏe mạnh và có mức thu nhập như nhau, xét điều kiện về kinh tế và sức khỏe của vợ chồng anh chị đều đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con chung. Vợ chồng anh, chị đều có nguyện vọng xin

được nuôi con, mặt khác cháu Lê Thị Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Lê Ngọc M có nguyện vọng được ở cùng bố. Vì vậy để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu bé, nhằm ổn định về tâm lý, sức khỏe và học tập của các cháu cũng như xem xét nguyện vọng của từng bé, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương A, giao cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương A, giao cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh T đều được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chung người trực tiếp nuôi con chung không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các bé, thì người không trực tiếp nuôi con chung có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Anh Lê Ngọc T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0016819 ngày 15 tháng 12 năm 2022 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, anh Lê Ngọc T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Anh Lê Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã TT
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng Nguyễn Bá Long

Lê Thị Thủy